

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-ST

Ngày: 28-9-2020

*V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Phong**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**.
2. Ông **Trần Văn Bé Hai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2020/QĐST-DS, ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** 1. Anh **Lê Đình N**, sinh năm 1985;
2. Chị **Nguyễn Thị Thụy V**, sinh năm 1984;
Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã MT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Đình N và chị Nguyễn Thị Thụy V: Anh **Trần Hà Xuân P1**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 21, Quốc lộ 30, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 24/9/2020).

- Bị đơn:** 1. Anh **Nguyễn Minh P**, sinh năm 1988;
2. Chị **Trà Ngọc T**, sinh năm 1990;
Cùng địa chỉ: Ấp BD, xã NM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Trần Hà Xuân P có mặt; anh Nguyễn Minh P và chị Trà Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trần Hà Xuân P1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Anh Lê Đình N, chị Nguyễn Thị Thụy V và anh Nguyễn Minh P là chỗ quen biết. Vợ chồng anh N, chị V có cho anh P vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 290.000.000 đồng. Trong đó số tiền cho vay bằng cách chuyển khoản qua ngân hàng là 240.000.000 đồng và số tiền mặt 50.000.000 đồng, không có làm biên nhận. Cụ thể như sau:

Ngày 04/3/2019, chuyển khoản số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngày 04/4/2019 chuyển khoản số tiền là 15.000.000 đồng.

Ngày 05/9/2019 chuyển khoản số tiền là 20.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2019 chuyển khoản số tiền là 20.000.000 đồng.

Ngày 07/6/2019 chuyển khoản số tiền là 10.000.000 đồng.

Ngày 09/6/2019 chuyển khoản số tiền là 5.000.000 đồng.

Ngày 12/10/2019 chuyển khoản số tiền là 20.000.000 đồng.

Ngày 15/10/2019 chuyển khoản số tiền là 20.000.000 đồng.

Ngày 21/10/2019 chuyển khoản số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngày 22/10/2019 chuyển khoản số tiền là 20.000.000 đồng.

Ngày 02/11/2019 chuyển khoản số tiền là 50.000.000 đồng.

Riêng số tiền 50.000.000 đồng tiền mặt, anh N và chị V cho anh P vay khoảng đầu tháng 12/2019, không có làm biên nhận.

Khi vay tiền, anh P nói chỉ vay tạm và trả lại. Vợ chồng anh N đã nhiều lần yêu cầu anh P trả lại số tiền trên nhưng đến nay anh P vẫn chưa trả.

Theo đơn khởi kiện, anh Lê Đình N và chị Nguyễn Thị Thụy V yêu cầu anh Nguyễn Minh P và chị Trà Ngọc T liên đới trả số tiền 290.000.000 đồng cho anh N và chị V, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Đình N và chị Nguyễn Thị Thụy V yêu cầu anh Nguyễn Minh P trả cho anh N và chị V số tiền 240.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Anh N và chị V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị Trà Ngọc T cùng có trách nhiệm liên đới với anh Nguyễn Minh P trả tiền cho anh N và chị V, lý do trong quá trình vay tiền chỉ mình anh P giao dịch với anh N, chị V trực tiếp chuyển tiền cho vay vào tài khoản của anh P, chị T không liên quan đến việc vay tiền.

** Bị đơn anh Nguyễn Minh P và chị Trà Ngọc T:* Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bên cạnh đó phía bị đơn cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: 01 Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (bản photo có đóng dấu treo và giáp lai của Ngân hàng); 01 Văn bản ý kiến (bản chính); 01 bản sao kê tài khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (bản chính); 01 bảng thống kê chuyển tiền vay ngày 09/7/2020 ký tên Lê Đình N, Nguyễn Thị Thụy V (bản chính).

Các tình tiết không phải chứng minh: Bị đơn Nguyễn Minh P và Trà Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh P, chị T vẫn không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Minh P trả lại số tiền vay là 240.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại ấp BD, xã NM, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Nguyễn Minh P, chị Trà Ngọc T được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đình N và chị Nguyễn Thị Thụy V yêu cầu anh Nguyễn Minh P phải có trách nhiệm trả cho anh N, chị V số tiền vay 240.000.000 đồng. Anh N và chị V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị Trà Ngọc T cùng có trách nhiệm liên đới với anh Nguyễn Minh P trả tiền cho anh N và chị V.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện có việc giao dịch chuyển tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thông qua tài khoản có xác nhận của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh P và chị T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời anh P cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Như vậy, việc anh Lê Đình N và chị Nguyễn Thị Thụy V cho anh Nguyễn Minh

P vay tiền bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của anh P nhiều lần tổng số tiền 240.000.000 đồng như đã nói trên là có thật. Từ khi vay tiền cho đến nay thì anh P vẫn chưa trả được số tiền đã vay cho anh N, chị V nên nay anh N, chị V khởi kiện yêu cầu anh P trả nợ là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh Nguyễn Minh P, chị Trà Ngọc T liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng và rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị Trà Ngọc T cùng có trách nhiệm liên đới với anh Nguyễn Minh P trả tiền cho anh N và chị V. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh N, chị V là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đình N, chị Nguyễn Thị Thụy V đối với yêu cầu anh Nguyễn Minh P, chị Trà Ngọc T liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đình N, chị Nguyễn Thị Thụy V đối với yêu cầu chị Trà Ngọc T cùng có trách nhiệm liên đới với anh Nguyễn Minh P trả tiền cho anh N và chị V.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình N và chị Nguyễn Thị Thụy V. Buộc anh Nguyễn Minh P có trách nhiệm trả cho anh Lê Đình N và chị Nguyễn Thị Thụy V số tiền vay còn nợ là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Minh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng.

- Anh Lê Đình N và chị Nguyễn Thị Thụy V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh N, chị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 9656 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Văn Phong